#### THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG PHI MẬU DỊCH.

**QUY ĐỊNH VỀ HÀNH LÝ, TÀI SẢN DI CHUYỂN,**

**QUÀ BIẾU, QUÀ TẶNG, HÀNG MẪU**

**ĐƯỢC MIỄN THUẾ, XÉT MIỄN THUẾ, KHÔNG CHỊU THUẾ**

          I. Đối tượng áp dụng

1. Đối với hành lý miễn thuế: Người nhập cảnh.

2. Đối với tài sản di chuyển:

a) Người nước ngoài đến công tác, làm việc tại Việt Nam;

b) Tổ chức, công dân Việt Nam kết thúc kinh doanh, làm việc ở nước ngoài về nước;

c) Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã được giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam;

d) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là trí thức, chuyên gia, công nhân lành nghề về nước làm việc trong thời gian từ một năm trở lên theo lời mời của cơ quan Nhà nước Việt Nam.

3. Đối với quà biếu, quà tặng, hàng mẫu: Tổ chức, công dân Việt Nam (không bao gồm người Việt Nam cư trú tại nước ngoài).

4. Cơ quan Hải quan, công chức hải quan và cơ quan khác của Nhà nước có chức năng, nhiệm vụ quản lý đối với hành lý, hàng hóa là tài sản di hàng quà biếu, quà tặng, hàng mẫu.

II. Định mức hành lý của người nhập cảnh

          Định mức hành lý được miễn thuế nhập khẩu, không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng của người nhập cảnh như sau:

1. Rượu, đồ uống có cồn

a) Rượu từ 22 độ trở lên: 1,5 lít;

b) Rượu dưới 22 độ: 2,0 lít;

c) Đồ uống có cồn, bia: 3,0 lít

          Đối với rượu, nếu người nhập cảnh mang nguyên chai, bình, lọ, can (sau đây viết tắt là chai) có dung tích lớn hơn dung tích quy định tại các Điểm a, b, c Khoản này nhưng dung tích vượt không quá 01 (một) lít thì được miễn thuế cả chai, nếu dung tích vượt quá 01 (một) lít thì phần vượt định mức phải nộp thuế theo quy định của pháp luật.

2. Thuốc lá

a) Thuốc lá điếu: 200 điếu;

b) Xì gà: 100 điếu;

c) Thuốc lá sợi: 500 gam

          Đối với thuốc lá điếu, xì gà, người nhập cảnh chỉ được mang theo đúng định mức miễn thuế; nếu mang vượt định mức miễn thuế thì phần vượt phải được tạm gửi tại kho của Hải quan cửa khẩu và nhận lại trong thời hạn quy định tại Khoản 5 Điều 59 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

3. Định mức quy định tại Khoản 1, Khoản 2 trên không áp dụng đối với người dưới 18 tuổi.

4. Đồ dùng cá nhân: số lượng, chủng loại phù hợp với mục đích chuyến đi.

5. Các vật phẩm khác ngoài danh mục hàng hóa quy định tại các Khoản 1, 2, và 4 trên (không nằm trong danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu hoặc nhập khẩu có điều kiện): Tổng trị giá không  quá 10.000.000 (mười triệu) đồng Việt Nam.

6. Khách nhập cảnh thường xuyên theo quy định tại Khoản 5 Điều 58 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan không được hưởng định mức hành lý miễn thuế quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 5 trên cho từng lần nhập cảnh mà cứ 90 ngày được hưởng định mức hành lý miễn thuế 01 (một) lần.

          III. Định mức hàng hóa là tài sản di chuyến miễn thuế

1. Hàng hóa là tài sản di chuyển (gồm đồ dùng, vật dụng phục vụ sinh hoạt, làm việc đã qua sử dụng hoặc chưa qua sử dụng, trừ xe ô tô, xe mô tô) của cá nhân quy tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04/08/2015, định mức được miễn thuế nhập khẩu, không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng đối với mỗi đồ dùng, vật dụng là 01 (một) cái hoặc 01 (một) bộ.

2. Hàng hóa là tài sản di chuyển (gồm: Đồ dùng, vật dụng phục vụ sinh hoạt, làm việc đã qua sử dụng hoặc chưa qua sử dụng, trừ xe ô tô, xe mô tô) của tổ chức quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 2 Quyết định Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04/08/2015, định mức miễn thuế nhận khẩu không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng đối với mỗi đồ dùng, vật dụng là 01 (một) cái hoặc 01 (một) bộ.

3. Đối với xe ô tô, xe mô tô đã qua sử dụng thuộc sở hữu của cá nhân quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 2 Quyết định Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04/08/2015 và có đủ điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật được phép nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định của pháp luật, được miễn thuế nhập khẩu 01 (một) xe ô tô, 01 (một) xe mô tô, nhưng phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

4. Đối với xe ô tô (đã qua sử dụng hoặc chưa qua sử dụng) của cá nhân quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 2 Quyết định Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04/08/2015 nhập khẩu để sử dụng trong thời gian làm việc tại Việt Nam, được miễn thuế nhập khẩu, không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng 01 (một) xe ô tô.

Xe ô tô đã qua sử dụng phải đảm bảo có đủ điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật được phép nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Chủ xe phải tái xuất xe ô tô khi kết thúc thời gian làm việc tại Việt Nam, trường hợp chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam thì phải nộp thuế và thực hiện theo quy định của pháp luật đối với xe ô tô nhập khẩu đã qua sử dụng.

Trường họp cần gửi lại xe ô tô để sử dụng trong đợt làm việc tiếp theo, chủ xe phải có giấy xác nhận của cơ quan Nhà nước Việt Nam đã mời về nước làm việc.

IV. Định mức quà biếu, quà tặng miễn thuế

1. Quà biếu, quà tặng miễn thuế quy định tại Điều này là những mặt hàng không thuộc danh mục mặt hàng cấm nhập khẩu, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu và không thuộc danh mục mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ quà biếu, quà tặng để phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng) theo quy định của pháp luật.

2. Quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho cá nhân Việt Nam; quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân Việt Nam cho cá nhân ở nước ngoài có trị giá không vượt quá 2.000.000 (hai triệu) đồng hoặc có trị giá hàng hóa vượt quá 2.000.000 (hai triệu) đồng nhưng tổng số tiền thuế phải nộp dưới 200.000 (hai trăm nghìn) đồng được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và không chịu thuế giá tri gia tăng.

3. Quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho tổ chức Việt Nam; quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân Việt Nam cho tổ chức ở nước ngoài có trị giá không vượt quá 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng được xét miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và không chịu thuế giá trị gia tăng. Riêng quà biếu, quà tặng vượt định mức 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng thuộc trường hợp sau thì được xét miễn thuế nhập khẩu, không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng đối với toàn bộ trị giá lô hàng:

a) Các đơn vị nhận hàng quà biếu, quà tặng là cơ quan hành chính, sự nghiệp công, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, nếu được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép tiếp nhận để sử dụng;

b) Hàng hoá là quà biếu, quà tặng mang mục đích nhân đạo, từ thiện:

b.1) Trường hợp quà biếu, quà tặng quy định tại Khoản 2, Khoản 3 trên thuộc danh mục mặt hàng chịu thuế tiếu thụ đặc biệt để phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng thì được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng.

b.2) Trường hợp quà biếu, quà tặng là thuốc cấp cứu, thiết bị y tế cho người bị bệnh nặng hoặc người bị thiên tai, tai nạn có trị giá không quá 10.000.000 (mười triệu) đồng thì được miễn các loại thuế.

2. Quà biếu, quà tặng trong định mức miễn thuế quy định tại các Khoản 3, 4 và Khoản 5 trên không áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân thường xuyên nhận một hay một số mặt hàng nhất định.

V. Định mức hàng mẫu của tổ chức, cá nhân

1. Hàng hóa là hàng mẫu của tổ chức, cá nhân ở Việt Nam gửi cho cá nhân ở nước ngoài; hàng mẫu của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài gửi cho cá nhân ở Việt Nam có trị giá không vượt quá 1.000.000 (một triệu) đồng hoặc trị giá hàng hóa vượt quá 1.000.000 (một triệu) đồng nhưng tổng số tiền thuế phải nộp dưới 100.000 (một trăm nghìn) đồng được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

2. Hàng hóa là hàng mẫu của tổ chức, cá nhân ờ Việt Nam gửi cho tồ chức ở nước ngoài; hàng mẫu của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài gửi cho tổ chức ở Việt Nam có trị giá không vượt quá 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng được xét miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Hàng hóa là hàng mẫu quy định tại Khoản 1, Khoản 2 trên không thuộc danh mục mặt hàng cấm nhập khẩu, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu.

          VI. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vượt định mức hành lý, định mức tài sản di chuyển, định mức quà biếu, quà tặng, định mức hàng mẫu

Tổ chức, cá nhân quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và Khoản 4 Điều 2 Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04/08/2015 được xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa vượt định mức miễn thuế, xét miễn thuế quy định tại các Điều 3, 4, 5 và Điều 6 Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04/08/2015 với điều kiện;

1. Hàng hóa phải đảm bảo các quy định của pháp luật về chính sách xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tại thời điểm xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Phải nộp đủ các loại thuế theo quy định của pháp luật đối với số lượng hàng hóa vượt định mức quy định.

          VII.Về hồ sơ thủ tục hải quan:

1. Tờ khai hải quan: Thực hiện trên tờ khai hải quan giấy theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

- Người khai hải quan khai và nộp 02 bản chính tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo mẫu HQ/2015/NK Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư 38/2015/TT-BTC.

    2. Vận tải đơn hoặc các chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương.

          Trường hợp hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, không chịu thuế, ngoài các chứng từ nêu trên người khai hải quan nộp, xuất trình thêm các chứng từ sau:

3. Văn bản xét miễn thuế của Bộ Tài chính đối với hàng hoá là quà biếu, quà tặng có trị giá vượt quá định mức miễn thuế quy định.

4. Tờ khai xác nhận viện trợ không hoàn lại của cơ quan tài chính theo quy định của Bộ Tài chính đối với hàng hóa viện trợ không hoàn lại thuộc đối tượng không chịu thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT: nộp 01 bản chính.

- Bộ Tài chính thực hiện xét miễn thuế đối với hàng hoá là quà biếu, quà tặng có trị giá vượt quá định mức miễn thuế quy định theo quy định tại Điều 110 Thông tư 38/2015/TT-BTC.